

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 151/2024/HS-ST  
Ngày: 16/4/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Lưu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Lượng
- Bà Nguyễn Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị Phương X - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (địa chỉ: số A đường số F, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 138/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

**Vũ Thị Bích T**, sinh năm: 1986; Giới tính: Nữ; nơi sinh: thành phố Hải Phòng; Hộ khẩu thường trú: 54 Đê Quai C, Sỏ D, quận H, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện tại: 952/51/10 Tỉnh Lộ 43, khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 03/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Khắc M và bà Trần Thị M1; chồng: Phạm Việt Đ (không đăng ký kết hôn); Bị cáo có 2 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 01/7/2023 (có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1992

Địa chỉ: số A Tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: số B đường C, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1964

Địa chỉ: số A đường N, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979

Địa chỉ: số A Tỉnh lộ 43, Khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

5. Chị Phạm Mỹ K1, sinh năm 1984

Địa chỉ: số A đường A, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

6. Anh Phạm Thành N1, sinh năm 1983

Địa chỉ: số A đường L, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

7. Anh Phan Trường G, sinh năm 1979

Địa chỉ: E đường L, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

8. Anh Huỳnh Minh Q, sinh năm 1972

Địa chỉ: số E T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

9. Ông Nguyễn Kim H2, sinh năm 1964

Địa chỉ: số C đường H, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

10. Chị Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1982

Địa chỉ: số A đường U, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

11. Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1969

Địa chỉ: số A khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

12. Chị Phạm Thị Kim H3, sinh năm 1973

Địa chỉ: số D đường F, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

13. Anh Bùi Thái P, sinh năm 1980

Địa chỉ: số A Tỉnh lộ 43, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

14. Anh Lê Minh T2, sinh năm 1985

Địa chỉ: số A đường số C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

15. Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1963

Địa chỉ: số G đường L, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

16. Chị Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1983

Địa chỉ: số A đường L, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

17. Anh Trần Phước T5, sinh năm 1986

Địa chỉ: 989/17/1 Tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

18. Anh Nguyễn Tấn T6, sinh năm 1988

Địa chỉ: số I đường N, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

19. Chị Nguyễn Thị G1, sinh năm 1982

Địa chỉ: hẻm I đường N, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

20. Ông Nguyễn Phi H4, sinh năm 1954

Địa chỉ: số A đường số C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

21. Chị Trịnh Thị Kim P1, sinh năm 1972

Địa chỉ: số A đường D, khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

22. Anh Hoàng Thanh T7, sinh năm 1984

Địa chỉ: số I Tỉnh lộ 43, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Trong khoảng từ tháng 6/2022 đến tháng 6/2023, Vũ Thị B bắt đầu cho vay lãi nặng nhằm kiếm tiền lời tiêu xài. T in tờ rơi và đi phát trên địa bàn thành phố T để tìm khách vay. Khách vay chủ yếu là người dân sinh sống trên địa bàn phường B. Khi cho vay, T không làm hợp đồng mà chỉ giữ lại giấy tờ tùy thân của khách vay. Hằng ngày, T sẽ đến nhà của khách vay để thu tiền hoặc khách vay sẽ đóng tiền cho T bằng cách chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng S

số 060240495409 tên Vũ Thị Bích T. Số tiền T cho mỗi người vay từ 1.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, lãi suất từ 300% đến 720%/năm. Có hai hình thức vay tiền:

- Hình thức thứ nhất: Vay trả góp mỗi ngày hoặc vay trả góp theo tháng (bao gồm cả tiền gốc lẫn lãi). Lãi suất từ 25% đến 30%/tháng.

- Hình thức thứ hai: Vay tiền và trả lãi hằng ngày. Lãi suất tùy theo thỏa thuận. Khi nào trả đủ tiền gốc thì vay xong, kết thúc việc đóng lãi suất.

Từ ngày 13/6/2023, Hồ Quang V là em họ của T giúp T đi phát tờ rơi về việc cho vay tiền, chở T đi thu tiền của khách. Tuy nhiên T chưa trả công.

Quá trình điều tra đã xác định được Vũ Thị Bích T cho 22 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Kim L:

- Lần 1: Tháng 9/2022, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày với lãi suất 1% /ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Thực tế đã trả 25 ngày x 250.000 đồng = 6.250.000 đồng. Khoản vay tất toán. Như vậy, trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất hợp pháp là 1.181.507 đồng.

- Lần 2: Tháng 10/2022, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày với lãi suất 1% /ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Thực tế đã trả 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Khoản vay tất toán. Như vậy, trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 136.986 đồng, thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Lần 3: Từ ngày 28/01/2023 đến ngày 31/3/2023, thỏa thuận vay 10.000.000 đồng (hình thức vay “đứng”, chỉ đóng tiền lãi hàng ngày, khi nào trả được tiền gốc thì ngưng), mỗi ngày đóng lãi 200.000 đồng. Tuy nhiên, có một số ngày L xin đóng thiếu tiền hoặc không đóng thì T đồng ý và bỏ qua. Tổng số tiền T thu lãi là 10.820.000 đồng. Trong đó, T thu lợi hợp pháp là 345.205 đồng; thu lợi bất chính là 10.474.795 đồng, với lãi suất 2%/ngày, tương đương 730%/năm. Người vay đã trả tiền gốc.

- Lần 4: Từ ngày 01/4/2023, thỏa thuận vay “đứng” số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/ngày, tương đương 730%/năm, mỗi ngày đóng lãi 400.000 đồng. Tuy nhiên, có một số ngày L xin đóng thiếu tiền hoặc không đóng thì T đồng ý và bỏ qua. Tổng số tiền T thu lãi là 18.280.000 đồng. Trong đó, T thu lợi hợp pháp là 364.384 đồng, thu lợi bất chính là 17.326.575 đồng. Người vay còn nợ T 20.000.000 đồng tiền gốc.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim L, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 45.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 1.504.000 đồng, thu lợi bất chính 31.345.000 đồng. Chị L còn nợ T 20.000.000 đồng tiền gốc.

## 2. Anh Nguyễn Văn H:

- Lần 1: Ngày 03/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày với lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 17 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 2.550.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay, còn lại 1.200.000 đồng chuyển sang lần vay thứ hai. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 2: Ngày 20/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày với lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.800.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 16 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 2.400.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.350.000 đồng chuyển sang lần vay thứ ba). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 3: Ngày 06/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.650.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 17 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 2.550.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.200.000 đồng chuyển sang lần vay thứ tư). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 4: Ngày 22/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.800.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 14 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 2.100.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.650.000 đồng chuyển sang lần vay thứ năm). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 5: Ngày 07/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.350.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 14 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 2.100.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.650.000 đồng chuyển sang lần vay thứ sáu). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 6: Ngày 21/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.350.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 14 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 2.100.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.650.000 đồng chuyển sang lần vay thứ bảy). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 7: Ngày 07/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.350.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Thực tế đã trả 14 ngày x 150.000 đồng = 2.100.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 1.650.000 đồng chuyển sang lần vay thứ tám). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 8: Ngày 23/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.350.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Thực tế đã trả 02 ngày x 150.000 đồng = 300.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 8.219 đồng, thu lợi bất chính là 141.781 đồng.

Đối với anh Nguyễn Văn H, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 13.650.000 đồng, thu lợi hợp pháp 295.850 đồng, thu lợi bất chính 5.104.110 đồng. Anh H còn nợ T 2.850.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 2.760.000 đồng; tiền nợ lãi: 90.000 đồng).

### 3. Bà Nguyễn Thị Ánh N:

- Lần 1: Ngày 08/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 7.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 350.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 350.000 đồng x 25 ngày = 8.750.000 đồng. Thực tế đã trả 12 ngày x 350.000 đồng = 4.200.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 4.450.000 đồng chuyển sang lần vay thứ hai). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 95.890 đồng, thu lợi bất chính là 1.654.110 đồng.

- Lần 2: Ngày 19/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 7.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 2.450.000 đồng), mỗi ngày trả 350.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 350.000 đồng x 25 ngày = 8.750.000 đồng. Thực tế đã trả 15 ngày x 350.000 đồng = 5.250.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.500.000 đồng chuyển sang lần vay thứ ba). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 95.890 đồng, thu lợi bất chính 1.654.110 đồng.

- Lần 3: Ngày 02/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 8.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 4.500.000 đồng), mỗi ngày trả 400.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 400.000 đồng x 25 ngày = 10.000.000 đồng. Thực tế đã trả 10 ngày x 400.000 đồng = 4.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 6.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ tư). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 109.589 đồng, thu lợi bất chính 1.890.411 đồng.

- Lần 4: Ngày 16/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 8.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 2.000.000 đồng), mỗi ngày trả 400.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 400.000 đồng x 25 ngày = 10.000.000 đồng. Thực tế đã trả 10 ngày x 400.000 đồng =

4.000.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 52.603 đồng, thu lợi bất chính là 907.397 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Ánh N, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 15.950.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 353.973 đồng, thu lợi bất chính là 6.106.027 đồng. Bà N2 còn nợ T 4.960.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 4.800.000 đồng; tiền nợ lãi: 160.000 đồng).

#### 4. Chị Nguyễn Thị H1:

- Lần 1: Ngày 31/01/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $250.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 12 ngày  $\times 250.000 \text{ đồng} = 3.000.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 3.250.000 đồng chuyển sang lần vay thứ hai). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 68.493 đồng, thu lợi bất chính 1.181.507 đồng.

- Lần 2: Ngày 14/02/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.750.000 đồng), mỗi ngày trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $250.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 06 ngày  $\times 1.500.000 \text{ đồng} = 1.500.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 4.750.000 đồng chuyển sang lần vay thứ ba). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 68.493 đồng, thu lợi bất chính 1.181.507 đồng.

- Lần 3: Ngày 24/02/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 250.000 đồng), mỗi ngày trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $250.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 25 ngày  $\times 250.000 \text{ đồng} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay tất toán. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 68.493 đồng, thu lợi bất chính 1.181.507 đồng.

- Lần 4: Ngày 28/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 15 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 2.250.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.500.000 đồng chuyển sang lần vay thứ năm). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 5: Ngày 01/6/2023, thỏa thuận vay đúng số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 5%/ngày, tương đương 1825%/năm, mỗi ngày đóng lãi 100.000 đồng. Thực tế đã trả 25 ngày  $\times 100.000 \text{ đồng} = 2.500.000 \text{ đồng}$  thì tất toán khoản vay, người vay đã trả tiền gốc 2.000.000 đồng. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 29.589 đồng, thu lợi bất chính là 2.670.411 đồng. Người vay còn nợ T 2.200.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 200.000 đồng.

- Lần 6: Ngày 11/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.500.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 10 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} =$

1.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 2.250.000 đồng chuyển sang lần vay thứ bảy). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 7: Ngày 22/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 1.500.000 đồng), mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Thực tế đã trả 05 ngày x 150.000 đồng = 750.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 9.863 đồng, thu lợi bất hợp pháp là 170.137 đồng. Người vay còn nợ T 2.430.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.400.000 đồng, tiền nợ lãi là 30.000 đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị H1, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 14.250.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 327.123 đồng, thu lợi bất chính là 7.802.877 đồng. Chị H1 còn nợ T 4.630.000 đồng (gồm tiền nợ gốc là 4.400.000 đồng, tiền nợ lãi là 230.000 đồng).

#### 5. Chị Phạm Mỹ K1:

- Lần 1: Ngày 03/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Thực tế đã trả 21 ngày x 500.000 đồng = 10.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 2.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ hai). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp 136.986 đồng, thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Lần 2: Ngày 23/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 15.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 0.67%/ngày, tương đương 243%/năm (thực tế T đưa 13.000.000 đồng), mỗi ngày phải trả 750.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 750.000 đồng x 25 ngày = 18.750.000 đồng. Thực tế đã trả 05 ngày x 750.000 đồng = 3.750.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

Đối với chị Phạm Mỹ K1, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 23.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 178.082 đồng, thu lợi bất chính là 3.071.918 đồng. Chị K1 còn nợ T 12.000.000 đồng.

6. Anh Phạm Thành N1: Ngày 11/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Thực tế đã trả 16 ngày x 250.000 đồng = 4.000.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán.

Đối với anh Phạm Thành N1, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 5.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 46.575 đồng, thu lợi bất chính là 803.425 đồng. Anh N1 còn nợ T 1.850.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.800.000 đồng, tiền nợ lãi là 50.000 đồng.



7. Anh Phan Trường G: Ngày 21/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 2.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 100.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $100.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 12 ngày  $\times 100.000 \text{ đồng} = 1.200.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán.

Đối với anh Phan Trường G, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 2.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 7.671 đồng, thu lợi bất chính là 132.329 đồng. Anh G còn nợ T 940.000 đồng.

8. Anh Huỳnh Minh Q: Ngày 25/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $500.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 12.500.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 02 ngày  $\times 100.000 \text{ đồng} = 1.000.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán.

Đối với anh Huỳnh Minh Q, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp 16.438 đồng, thu lợi bất chính 283.562 đồng. Anh Q còn nợ T 9.300.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 9.200.000 đồng; tiền nợ lãi: 100.000 đồng).

9. Ông Nguyễn Kim H2:

- Lần 1: Ngày 29/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 08 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 1.200.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 2.550.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 3). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 2: Ngày 02/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 2.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 100.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $100.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 22 ngày  $\times 100.000 \text{ đồng} = 2.200.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 300.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 4). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 27.397 đồng, thu lợi bất chính là 472.603 đồng.

- Lần 3: Ngày 05/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 23 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 3.450.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 37.808 đồng, thu lợi bất chính là 652.192 đồng. Người vay còn nợ 240.000 đồng tiền gốc.

- Lần 4: Ngày 22/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 4.700.000 đồng). Dự kiến tiền gốc và lãi phải trả là  $250.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Thực tế đã trả 06 ngày  $\times 250.000 \text{ đồng} = 1.500.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 16.438 đồng, thu lợi bất chính là 283.562 đồng. Người vay còn nợ T 3.800.000 đồng tiền gốc.

Đối với ông

Nguyễn Kim H2, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 10.150.000 đồng, thu lợi hợp pháp 122.740 đồng, thu lợi bất chính 2.117.260 đồng. Ông H2 còn nợ T 3.800.000 đồng tiền nợ gốc.

10. Chị Phạm Thị Ngọc D: Ngày 12/4/2023, thỏa thuận vay góp 3.000.000 đồng, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày phải trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Thực tế đã trả 10 ngày x 150.000 đồng = 1.500.000 đồng. Tuy đã hết thời hạn vay nhưng D chưa trả đủ tiền cho chị T.

Đối với chị Phạm Thị Ngọc D, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 3.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng. Chị D còn nợ T 2.250.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 1.800.000 đồng; tiền nợ lãi: 450.000 đồng).

11. Bà Nguyễn Thị Bích T1:

- Lần 1: Ngày 02/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm, mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Thực tế đã trả 15 ngày x 500.000 đồng = 7.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 4.500.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 3). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 131.507 đồng, thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng.

- Lần 2: Ngày 07/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải đóng 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Thực tế đã trả 15 ngày x 500.000 đồng = 7.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 4.500.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 4). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 131.507 đồng, thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng.

- Lần 3: Ngày 17/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm (Thực tế T đưa 5.500.000 đồng), mỗi ngày phải trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Thực tế đã trả 12 ngày x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 6.000.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 5).

- Lần 4: Ngày 27/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 3.250.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả đủ 25 ngày, khoản vay tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 5: Ngày 02/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm (thực tế T đưa 4.000.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Đã trả 8 ngày x 500.000 đồng = 4.000.000 đồng thì

đáo hạn vay (còn lại 8.000.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 6). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 131.507 đồng, thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng.

- Lần 6: Ngày 22/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm (thực tế T đưa 2.000.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Đã trả 13 ngày x 500.000 đồng = 6.500.000 đồng thì đáo hạn vay (Còn lại 5.500.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 7). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 131.507 đồng, thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng.

- Lần 7: Ngày 12/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm (thực tế T đưa 4.500.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Đã trả 13 ngày x 500.000 đồng = 6.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 5.500.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 8). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 131.507 đồng, thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng.

- Lần 8: Ngày 26/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm (thực tế T đưa 4.500.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Đã trả 12 ngày x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 6.000.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 9). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 131.507 đồng, thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng.

- Lần 9: Ngày 09/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm (thực tế T đưa 4.000.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Đã trả 14 ngày x 500.000 đồng = 7.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 5.000.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 10). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 131.507 đồng, thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng.

- Lần 10: Ngày 24/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm (thực tế T đưa 5.000.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Đã trả 12 ngày x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 6.000.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 11). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 131.507 đồng, thu lợi bất chính là 1.868.493 đồng.

- Lần 11: Ngày 15/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 24 ngày, lãi suất 304%/năm (thực tế T đưa 4.000.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng là 500.000 đồng x 24 ngày = 12.000.000 đồng. Đã trả 11 ngày x 500.000 đồng = 5.500.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 71.233 đồng, thu lợi bất chính là 1.012.100 đồng. Người vay còn nợ T 5.583.333 đồng (gồm tiền nợ gốc là 5.416.667 đồng; tiền nợ lãi là 166.667 đồng).

- Lần 12: Ngày 23/2/2023, thỏa thuận vay “đứng” số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày đóng 40.000 đồng. Đã trả 125 ngày x 40.000 đồng = 5.000.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán, chưa trả tiền gốc. Trong lần vay

này, T thu lợi hợp pháp là 273.973 đồng, thu lợi bất chính là 4.726.027 đồng. Người vay còn nợ T 4.000.000 đồng tiền gốc.

Đối với bà Nguyễn Thị Bích T1, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 55.750.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 1.534.247 đồng, thu lợi bất chính là 23.049.087 đồng. Bà T1 còn nợ T 9.583.333 đồng (gồm tiền nợ gốc: 9.416.667 đồng; tiền nợ lãi: 166.667 đồng).

#### 12. Chị Phạm Thị Kim H3:

- Lần 1: Ngày 23/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Thực tế đã trả 12 ngày x 250.000 đồng = 3.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.250.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 2). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 2: Ngày 04/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 6.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 2.750.000 đồng), mỗi ngày phải trả 300.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 25 ngày x 300.000 đồng = 7.500.000 đồng. Thực tế đã trả 09 ngày x 300.000 đồng = 2.700.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 78.904 đồng, thu lợi bất chính là 1.361.096 đồng.

Đối với chị Phạm Thị Kim H3, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 7.750.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 147.397 đồng, thu lợi bất chính là 2.542.603 đồng. Chị H3 còn nợ T 4.740.000 đồng (gồm tiền nợ gốc là 3.840.000 đồng; tiền nợ lãi là 900.000 đồng).

#### 13. Anh Bùi Thái P:

- Lần 1: Ngày 18/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày phải đóng 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Đã trả đủ 25 ngày. Khoản vay tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 2: Ngày 29/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, mỗi ngày phải đóng 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 12 ngày x 250.000 đồng = 3.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.250.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 3). Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 3: Ngày 09/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 4.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm (thực tế T đưa 750.000 đồng), mỗi ngày phải trả 200.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 200.000 đồng x 25 ngày = 5.000.000 đồng. Thực tế đã trả 19 ngày x 200.000 đồng = 3.800.000 đồng, khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này T thu lợi

hợp pháp là 41.644 đồng, thu lợi bất chính là 718.356 đồng. Người vay còn nợ T 960.000 đồng tiền gốc.

- Lần 4: Ngày 24/5/2023, thỏa thuận vay đúng số tiền 10.000.000 đồng, lãi mỗi ngày đúng 150.000 đồng. Đúng được 35 ngày x 150.000 đồng = 5.250.000 đồng. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 191.781 đồng, thu lợi bất chính là 5.058.219 đồng. Khoản vay chưa tất toán, người vay chưa trả tiền gốc. Người vay còn nợ T 10.000.000 đồng tiền gốc.

Đối với anh Bùi Thái P, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 18.750.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 343.014 đồng, thu lợi bất chính là 7.666.986 đồng. Anh P còn nợ T 10.960.000 đồng tiền nợ gốc.

14. Anh Lê Minh T2: Ngày 24/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Đã trả 04 ngày x 500.000 đồng = 2.000.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 21.918 đồng, thu lợi bất chính là 378.082 đồng. Người vay còn nợ T 8.400.000 tiền gốc.

Đối với anh Lê Minh T2, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 21.918 đồng, thu lợi bất chính là 378.082 đồng. Anh T2 còn nợ T 8.400.000 đồng tiền nợ gốc.

#### 15. Bà Nguyễn Thị Kim T3:

- Lần 1: Ngày 08/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Đã trả 14 ngày x 150.000 đồng = 2.100.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 1.650.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 2). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 2: Ngày 21/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 1.350.000 đồng), mỗi ngày phải trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Đã trả 11 ngày x 150.000 đồng = 1.650.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 2.100.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 3). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 3: Ngày 02/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 4.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 900.000 đồng), mỗi ngày phải trả là 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Đã trả 11 ngày x 150.000 đồng = 1.650.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 2.100.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 4). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 4: Ngày 14/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 900.000 đồng), mỗi ngày phải trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày =

3.750.000 đồng. Đã trả 08 ngày x 150.000 đồng = 1.200.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 2.550.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 5). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 5: Ngày 24/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 450.000 đồng). Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Đã trả 03 ngày x 150.000 đồng = 450.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 6.575 đồng, thu lợi bất chính là 113.425 đồng. Người vay còn nợ T 2.670.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 2.640.000 đồng; tiền nợ lãi: 30.000 đồng).

Đối với bà Nguyễn Thị Kim T3, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 6.600.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 170.959 đồng, thu lợi bất chính là 2.949.041 đồng. Bà T3 còn nợ T 2.670.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 2.640.000 đồng; tiền nợ lãi: 30.000 đồng).

#### 16. Chị Nguyễn Thị Thanh T4:

- Lần 1: Ngày 19/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 14 ngày x 250.000 đồng = 3.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 2.750.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 2). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 2: Ngày 02/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 2.250.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 10 ngày x 250.000 đồng = 2.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.750.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 3). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 3: Ngày 14/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 1.250.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 12 ngày x 250.000 đồng = 3.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.250.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 4). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 4: Ngày 27/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 1.750.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 11 ngày x 250.000 đồng = 2.750.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.500.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 5). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

Lần 5: Ngày 08/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 1.500.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày =

6.250.000 đồng. Đã trả 8 ngày x 250.000 đồng = 2.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 4.250.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 6). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

Lần 6: Ngày 17/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 750.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 10 ngày x 250.000 đồng = 2.500.000 đồng. Khoản vay chưa tất toán. Trong đó thu lợi hợp pháp là 30.137 đồng, thu lợi bất chính là 519.863 đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh T4, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 12.500.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 372.603 đồng, thu lợi bất chính là 6.427.397 đồng. Chị T4 còn nợ T 3.050.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 3.000.000 đồng; tiền nợ lãi: 50.000 đồng).

#### 17. Anh Trần Phước T5:

- Lần 1: Ngày 11/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 15 ngày x 250.000 đồng = 3.750.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 2.500.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 2). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 2: Ngày 25/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 6.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 3.500.000 đồng), mỗi ngày phải trả 300.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 300.000 đồng x 25 ngày = 7.500.000 đồng. Đã trả 14 ngày x 300.000 đồng = 4.200.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.300.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 3). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 82.192 đồng, thu lợi bất chính là 1.417.808 đồng.

- Lần 3: Ngày 05/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 6.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (Thực tế T đưa 2.700.000 đồng), mỗi ngày phải trả 300.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 300.000 đồng x 25 ngày = 7.500.000 đồng. Đã trả 13 ngày x 300.000 đồng = 3.900.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.600.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 4). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 82.192 đồng, thu lợi bất chính là 1.417.808 đồng.

- Lần 4: Ngày 15/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 6.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (Thực tế đưa 2.400.000 đồng). Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là 300.000 đồng x 25 ngày = 7.500.000 đồng. Đã trả 13 ngày x 300.000 đồng = 3.900.000. Khoản vay chưa tất toán. Trong đó thu lợi hợp pháp là 42.740 đồng, thu lợi bất hợp pháp là 737.260 đồng. Người vay còn nợ T 2.880.000 đồng tiền gốc.

Đối với anh Trần Phước T5, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 13.600.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 275.616 đồng, thu lợi bất chính là 4.754.384 đồng. Anh T5 còn nợ T 2.880.000 đồng tiền nợ gốc.

18. Anh Nguyễn Tấn T6: Ngày 09/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 4.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải trả là  $200.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 5.000.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 19 ngày  $\times 200.000 \text{ đồng} = 3.800.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán.

Đối với anh Nguyễn Tấn T6, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 4.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 41.644 đồng, thu lợi bất chính là 718.356 đồng. Anh T6 còn nợ T 960.000 đồng tiền nợ gốc.

19. Chị Nguyễn Thị G1:

- Lần 1: Ngày 08/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 2.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 100.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $100.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 14 ngày  $\times 100.000 \text{ đồng} = 1.400.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.100.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 4). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 27.394 đồng, thu lợi bất chính là 472.603 đồng.

- Lần 2: Ngày 10/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 19 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 2.850.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 900.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 5). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 3: Ngày 14/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $250.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 20 ngày  $\times 250.000 \text{ đồng} = 5.000.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.250.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 8). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 4: Ngày 08/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 2.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 900.000 đồng), mỗi ngày phải trả 100.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $100.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 250.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 15 ngày  $\times 100.000 \text{ đồng} = 1.500.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 1.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 6). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 27.394 đồng, thu lợi bất chính là 472.603 đồng.

- Lần 5: Ngày 10/2/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 2.100.000 đồng), mỗi ngày phải trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $150.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 3.750.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 10 ngày  $\times 150.000 \text{ đồng} = 1.500.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (Còn lại 2.250.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 7). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất hợp pháp là 708.904 đồng.

- Lần 6: Ngày 14/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 2.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 1.000.000 đồng), mỗi ngày phải trả 100.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $100.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} =$



250.000 đồng. Đã trả 18 ngày x 100.000 đồng = 1.800.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 1.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 10). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 27.394 đồng, thu lợi bất chính là 472.603 đồng.

- Lần 7: Ngày 18/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 750.000 đồng), mỗi ngày phải trả 150.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 150.000 đồng x 25 ngày = 3.750.000 đồng. Đã trả 14 ngày x 150.000 đồng = 1.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 750.000 đồng, chuyển sang lần vay thứ 10). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.096 đồng, thu lợi bất chính là 708.904 đồng.

- Lần 8: Ngày 10/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 3.750.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 20 ngày x 250.000 đồng = 5.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 1.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 9). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 9: Ngày 31/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 4.000.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 13 ngày x 250.000 đồng = 3.200.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 11). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 10: Ngày 05/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 2.650.000 đồng), mỗi ngày trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 10 ngày x 250.000 đồng = 2.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.750.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 12). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 11: Ngày 13/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế đưa 2.000.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 11 ngày x 250.000 đồng = 2.750.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.500.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 14). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 12: Ngày 16/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 2.000.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 09 ngày x 250.000 đồng = 2.250.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 4.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 15). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 13: Ngày 20/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 1.000.000 đồng trong 12 ngày, lãi suất 608%/năm (thực tế T đưa 1.000.000 đồng), mỗi ngày trả 100.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 100.000 đồng x 12 ngày =

1.200.000 đồng. Đã trả đủ 12 ngày. Khoản vay tất toán. T thu lợi hợp pháp là 6.575 đồng, thu lợi bất chính là 193.425 đồng.

- Lần 14: Ngày 24/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 1.500.000 đồng), mỗi ngày trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 10 ngày x 250.000 đồng = 2.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.750.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 16). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 15: Ngày 26/4/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 1.000.000 đồng), mỗi ngày phải đóng 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 07 ngày x 250.000 đồng = 1.750.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 4.500.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 16). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 16: Ngày 09/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 1.750.000 đồng), mỗi ngày trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Đã trả 12 ngày x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 6.500.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 17). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 136.986.000 đồng, thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Lần 17: Ngày 20/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 3.500.000 đồng), mỗi ngày phải trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Đã trả 09 ngày x 500.000 đồng = 4.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 8.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 18). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 136.986 đồng, thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Lần 18: Ngày 03/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 2.000.000 đồng), mỗi ngày phải trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Đã trả 09 ngày x 500.000 đồng = 4.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 8.000.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 21). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 136.986 đồng, thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Lần 19: Ngày 09/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 4.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày trả 200.000 đồng. Hình thức trả lãi và gốc mỗi ngày phải đóng 200.000 đồng x 25 ngày = 5.000.000 đồng. Đã trả 16 ngày x 200.000 đồng = 3.200.000 đồng thì đáo hạn vay. Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 41.644 đồng, thu lợi bất chính là 718.356 đồng. Người vay còn nợ T 1.560.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 1.440.000 đồng; tiền nợ lãi: 120.000 đồng).

- Lần 20: Ngày 10/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 1.000.000 đồng trong 12 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 100.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 100.000 đồng x 12 ngày = 1.200.000 đồng. Đã trả đủ

12 ngày. Khoản vay tắt toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 6.575 đồng, thu lợi bất hợp pháp là 193.425 đồng.

- Lần 21: Ngày 16/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế T đưa 2.000.000 đồng), mỗi ngày phải trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Đã trả 12 ngày x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng. Khoản vay chưa tắt toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 65.753 đồng, thu lợi bất chính là 1.134.247 đồng. Người vay còn nợ T 5.200.000 đồng tiền gốc.

- Lần 22: Từ ngày 26/3/2023 đến 10/5/2023, vay 1.000.000 đồng. Hình thức vay “đứng”, lãi suất, mỗi ngày đóng lãi 20.000 đồng. Đã trả 20.000 đồng x 46 ngày. Tổng số tiền T thu lãi là 920.000 đồng. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 25.205 đồng, thu lợi bất chính là 894.795 đồng. Khoản vay đã tắt toán, người vay đã trả tiền gốc.

- Lần 23: Từ ngày 09/5/2023, vay 2.000.000 đồng. Hình thức vay “đứng”, lãi suất 2%/tháng, tương đương 730%/năm, mỗi ngày đóng lãi 40.000 đồng. Đã trả 40.000 đồng x 50 ngày = 2.000.000 đồng. Tổng số tiền T thu lãi là 2.000.000 đồng. Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính là 1.945.205 đồng. Người vay còn nợ T 2.000.000 đồng tiền gốc.

Đối với chị Nguyễn Thị G1, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 49.150.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 1.364.932 đồng, thu lợi bất chính là 25.165.068 đồng. Chị G1 còn nợ T 8.760.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 8.640.000 đồng; tiền nợ lãi: 120.000 đồng).

20. Ông Nguyễn Phi H4: Ngày 09/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 500.000 đồng x 25 ngày = 12.500.000 đồng. Đã trả 20 ngày x 500.000 đồng = 10.000.000 đồng. Khoản vay đã hết hạn nhưng chưa tắt toán.

Đối với ông Nguyễn Phi H4, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 10.000.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 136.986 đồng, thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng. Ông H4 còn nợ T 2.500.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 2.000.000 đồng; tiền nợ lãi: 500.000 đồng).

21. Chị Trịnh Thị Kim P1:

- Lần 1: Ngày 23/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng 250.000 đồng x 25 ngày = 6.250.000 đồng. Đã trả 10 ngày x 250.000 đồng = 2.500.000 đồng thì đáo hạn vay (còn lại 3.750.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 2). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 2: Ngày 31/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế đưa 1.250.000 đồng), mỗi ngày phải trả

250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $250.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 10 ngày  $\times 250.000 \text{ đồng} = 2.500.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 3.750.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 3). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 3: Ngày 08/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế đưa 1.250.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $250.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 10 ngày  $\times 250.000 \text{ đồng} = 2.500.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn vay (còn lại 3.750.000 đồng chuyển sang lần vay thứ 4). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 68.493 đồng, thu lợi bất chính là 1.181.507 đồng.

- Lần 4: Ngày 18/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 5.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm (thực tế đưa 1.250.000 đồng), mỗi ngày phải trả 250.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $250.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 6.250.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 08 ngày  $\times 250.000 \text{ đồng} = 2.000.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 27.397 đồng, thu lợi bất chính là 472.603 đồng. Người vay còn nợ T 3.500.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 3.400.000 đồng; tiền nợ lãi: 100.000 đồng).

- Lần 5: Ngày 06/6/2023, vay 2.500.000 đồng. Hình thức vay “đứng”, lãi suất 2%/ngày, tương đương 730%/năm mỗi ngày đóng 50.000 đồng. Đã trả 22 ngày  $\times 50.000 \text{ đồng} = 1.100.000 \text{ đồng}$ . Trong lần vay này, T thu lợi hợp pháp là 30.137 đồng, thu lợi bất chính là 1.069.863 đồng. Khoản vay chưa tất toán, người vay chưa trả tiền gốc. Người vay còn nợ T 2.500.000 đồng tiền gốc.

Đối với chị Trịnh Thị Kim P1, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 11.250.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 263.014 đồng, thu lợi bất chính là 5.086.986 đồng. Chị P1 còn nợ T 6.000.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 5.900.000 đồng; tiền nợ lãi: 100.000 đồng).

## 22. Anh Hoàng Thanh T7:

Lần 1: Ngày 23/02/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 4.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $200.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 5.000.000 \text{ đồng}$ . Đã trả đủ 25 ngày. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính là 945.205 đồng.

- Lần 2: Ngày 08/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 2.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 100.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $100.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$ . Đã trả đủ 25 ngày. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 27.397 đồng, thu lợi bất chính là 472.603 đồng.

- Lần 3: Ngày 22/3/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 4.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $200.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 5.000.000 \text{ đồng}$ . Đã trả đủ 25 ngày. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính là 945.205 đồng.

- Lần 4: Ngày 03/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 6.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 300.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $300.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 7.500.000 \text{ đồng}$ . Đã trả 14 ngày  $\times 300.000 \text{ đồng} = 4.200.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn (còn 3.300.000 đồng chuyển sang lần vay 6). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 82.192 đồng, thu lợi bất chính là 1.417.808 đồng.

- Lần 5: Ngày 05/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 4.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $200.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 5.000.000 \text{ đồng}$ . Trả được 20 ngày  $\times 200.000 \text{ đồng} = 4.000.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn (còn 1.000.000 đồng chuyển sang lần vay 7). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính là 945.205 đồng.

- Lần 6: Ngày 18/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 10.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 500.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $500.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 12.500.000 \text{ đồng}$ . Trả được 18 ngày  $\times 500.000 \text{ đồng} = 9.000.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn (còn 3.500.000 đồng chuyển sang lần vay 8). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 136.986 đồng, thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- Lần 7: Ngày 26/5/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 4.000.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 200.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $200.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 5.000.000 \text{ đồng}$ . Trả được 14 ngày  $\times 500.000 \text{ đồng} = 7.000.000 \text{ đồng}$  thì đáo hạn (còn 2.200.000 đồng chuyển sang lần vay 9). Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 54.795 đồng, thu lợi bất chính là 945.205 đồng.

- Lần 8: Ngày 07/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 7.000.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 350.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $350.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 8.750.000 \text{ đồng}$ . Trả được 15 ngày  $\times 500.000 \text{ đồng} = 7.500.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 95.890 đồng, thu lợi bất chính là 1.654.110 đồng. Người vay còn nợ T 3.500.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 2.800.000; tiền nợ lãi: 700.000 đồng).

- Lần 9: Ngày 15/6/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 8.000.000.000 đồng trong 25 ngày, lãi suất 365%/năm, mỗi ngày phải trả 400.000 đồng. Dự kiến số tiền gốc và lãi phải đóng  $400.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 10.000.000 \text{ đồng}$ . Trả được 11 ngày  $\times 400.000 \text{ đồng} = 4.400.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán. Trong lần vay này T thu lợi hợp pháp là 56.986 đồng, thu lợi bất chính là 983.014 đồng. Người vay còn nợ T 4.640.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 4.480.000 đồng; tiền nợ lãi: 160.000 đồng).

- Lần 10: Ngày 15/06/2023, thỏa thuận vay góp số tiền 2.000.000.000 đồng. Hình thức vay đứng, lãi suất 2%/ngày, tương đương 730%/năm, mỗi ngày đóng lãi 40.000 đồng. Trả được 13 ngày  $\times 40.000 \text{ đồng} = 520.000 \text{ đồng}$ . Khoản vay chưa tất toán, người vay chưa trả tiền gốc. Trong lần vay này, T thu lợi hợp

pháp là 14.247 đồng, thu lợi bất chính là 505.753 đồng. Người vay còn nợ T 2.000.000 đồng tiền gốc.

Đối với anh Hoàng Thanh T7, số tiền Vũ Thị Bích T sử dụng cho vay là 37.500.000 đồng, thu lợi hợp pháp là 632.877 đồng, thu lợi bất chính là 11.177.123 đồng. Anh T7 còn nợ T 10.140.000 đồng (gồm tiền nợ gốc: 9.280.000 đồng; tiền nợ lãi: 860.000 đồng).

Tổng số tiền Vũ Thị Bích T cho vay là: 378.850.000 đồng, thu lợi bất chính là 149.754.429 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T, Vũ Thị Bích T khai nhận hành vi cho vay lãi nặng như trên. Ngoài 22 người vay tiền trên T còn cho nhiều người khác vay. Khi cho vay tiền T đều ghi chép vào sổ. Tuy nhiên, T chỉ còn giữ sổ ghi chép từ tháng 02/2023 đến tháng 6/2023, còn những sổ ghi chép trước đó thì T đã vứt bỏ, không còn giữ.

\*Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) quyển tập Vũ Thị Bích T ghi chép nội dung việc thu tiền cho vay từ tháng 02/2023;

- 04 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 03 giấy phép lái xe, 07 chứng minh nhân dân, 09 căn cước công dân, hiện chưa làm việc được với chủ sở hữu; Ngày 31/01/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định số 392/QĐ-ĐCSPHS tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự để tiếp tục xác minh làm rõ chủ sở hữu các vật chứng, tài liệu trên;

- 10 (mười) tờ danh thiếp quảng cáo cho vay;

- 02 hộ chiếu, 03 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân, 11 căn cước công dân của khách vay do T giao nộp, đã xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô Yamaha Sirius biển số: 61D1 – 355.29, qua xác minh xe mô tô trên do chị Phạm Thị Minh T8 đứng tên chủ sở hữu. Chị T8 khai đã bán xe trên từ lâu, không làm hợp đồng mua bán, không làm thủ tục sang tên, không nhớ bán cho ai. Vũ Thị Bích T khai mua lại xe trên từ năm 2021 nhưng không làm hợp đồng, có viết giấy mua bán nhưng đã làm mất. Hiện không nhớ mua ở đâu, của ai;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro max thu giữ của Vũ Thị Bích T.

\* Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Bản Cáo trạng số 153/CT-VKS-TPTĐ ngày 20/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo Vũ Thị Bích T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Vũ Thị Bích T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Vũ Thị Bích T với mức án 09 tháng 15 ngày tù (bằng với thời gian tạm giam). Về vật chứng và trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý đúng theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Vũ Thị Bích T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và bị cáo nói lời sau cùng rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Thị Bích T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Từ tháng 6/2022 đến tháng 6/2023, trên địa bàn phường B, thành phố T, Vũ Thị Bích T đã thực hiện việc cho vay tiền với lãi suất cao từ 240%/năm đến 720%/năm (gấp 12 đến 36 lần mức cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) để thu lợi bất chính. Tổng số tiền bị cáo cho vay là 378.850.000 đồng; tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 149.754.429 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vũ Thị Bích T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có hành vi thực hiện việc cho vay trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính cao nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Đặc biệt hơn trong thời gian qua hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có chiều hướng gia tăng nên được Đảng và Nhà nước ta có nhiều biện pháp nhằm phòng chống loại

tội phạm này. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm, nhất là tội phạm về cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như hiện nay.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự người vay đã tự nguyện xác lập giao dịch dân sự trái pháp luật, chấp nhận mức lãi suất và số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận với người vay nên có một phần lỗi khi thực hiện các giao dịch trên.

Hội đồng xét xử xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội có một phần lỗi của người có quyền, lợi liên quan, bị cáo đã bị tạm giam gần 10 tháng cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, nếu không tiếp tục tạm giam cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ một phần mức án mà lẽ ra bị cáo phải nhận là phù hợp pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Đối với Hồ Quang V có hành vi giúp sức bằng cách đi phát tờ rơi tìm khách vay và điều khiển xe mô tô chở T đi thu tiền. Tuy nhiên, số tiền T thu lợi bất chính từ thời điểm V giúp sức cho T là 10.277.763 đồng. Hành vi của V chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không xử lý đối với Hồ Quang V là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) quyển tập Vũ Thị Bích T ghi chép nội dung việc thu tiền cho vay từ tháng 02/2023 đến tháng 6/2023, là chứng cứ trực tiếp nên cần được lưu vào trong hồ sơ vụ án;

- 10 (mười) tờ danh thiếp quảng cáo cho vay, là chứng cứ trực tiếp nên cần được lưu vào trong hồ sơ vụ án;

- 02 hộ chiếu, 03 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân, 11 căn cước công dân của khách vay do T giao nộp, đã xác định được chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho chủ sở hữu;

- 01 (một) xe mô tô Yamaha Sirius biển số: 61D1 – 355.29, qua xác minh xe mô tô trên do chị Phạm Thị Minh T8 đứng tên chủ sở hữu. Chị T8 khai đã bán xe trên từ lâu, không làm hợp đồng mua bán, không làm thủ tục sang tên, không nhớ bán cho ai. Vũ Thị Bích T khai mua lại xe trên từ năm 2021 nhưng không làm hợp đồng, có viết giấy mua bán nhưng đã làm mất. Hiện không nhớ mua ở đâu, của ai. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải thông báo trên phương tiện



thông tin đại chúng một thời gian để tìm chủ sở hữu, nếu không có chủ sở hữu đến nhận thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro max, Vũ Thị Bích T dùng để liên lạc với người vay tiền, Hội đồng tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 378.850.000 đồng bị cáo cho vay, xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) còn đang nợ bị cáo một số tiền nợ gốc nên cần truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để nộp Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- + Truy thu của chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 20.000.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Nguyễn Văn H số tiền 2.850.000 đồng;
  - + Truy thu của bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 4.960.000 đồng;
  - + Truy thu của chị Nguyễn Thị H1 số tiền 4.630.000 đồng;
  - + Truy thu của chị Phạm Mỹ K1 số tiền 12.000.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Phạm Thành N1 số tiền 1.850.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Phan Trường G số tiền 940.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Huỳnh Minh Q số tiền 9.300.000 đồng;
  - + Truy thu của ông Nguyễn Kim H2 số tiền 3.800.000 đồng;
  - + Truy thu của chị Phạm Thị Ngọc D số tiền 2.250.000 đồng;
  - + Truy thu của bà Nguyễn Thị Bích T1 số tiền 9.583.333 đồng;
  - + Truy thu của chị Phạm Thị Kim H3 số tiền 4.740.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Bùi Thái P số tiền 10.960.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Lê Minh T2 số tiền 8.400.000 đồng;
  - + Truy thu của bà Nguyễn Thị Kim T3 số tiền 2.670.000 đồng;
  - + Truy thu của chị Nguyễn Thị Thanh T4 số tiền 3.050.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Trần Phước T5 số tiền 2.880.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Nguyễn Tấn T6 số tiền 960.000 đồng;
  - + Truy thu của chị Nguyễn Thị G1 số tiền 8.760.000 đồng;
  - + Truy thu của ông Nguyễn Phi H4 số tiền 2.500.000 đồng;
  - + Truy thu của chị Trịnh Thị Kim P1 số tiền 6.000.000 đồng;
  - + Truy thu của anh Hoàng Thanh Thông s tiền 10.140.000 đồng;
- Tổng cộng là: 133.233.333 đồng.

Buộc bị cáo Vũ Thị Bích T phải nộp Ngân sách nhà nước số tiền 245.626.667 đồng

(378.850.000 đồng – 133.233.333 đồng = 245.626.667 đồng);

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước đối với số tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 mà bị cáo đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, số tiền 8.198.755 đồng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Thị Bích T trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính, cụ thể: trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 31.345.000 đồng; anh Nguyễn Văn H số tiền 5.104.110 đồng; bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 6.106.027 đồng; chị Nguyễn Thị H1 số tiền 7.802.877 đồng; chị Phạm Mỹ K1 số tiền 3.071.918 đồng; anh Phạm Thành N1 số tiền 803.425 đồng; anh Phan Trường G số tiền 132.329 đồng; ông Nguyễn Kim H2 số tiền 2.117.260 đồng; chị Phạm Thị Ngọc D số tiền 708.904 đồng; bà Nguyễn Thị Bích T1 số tiền 23.049.087 đồng; chị Phạm Thị Kim H3 số tiền 2.542.603 đồng; anh Bùi Thái P số tiền 7.666.986 đồng; anh Lê Minh T2 số tiền 378.082 đồng; bà Nguyễn Thị Kim T3 số tiền 2.949.041 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh T4 số tiền 6.427.397 đồng; anh Trần Phước T5 số tiền 4.754.384 đồng; anh Nguyễn Tấn T6 số tiền 718.356 đồng; chị Nguyễn Thị G1 số tiền 25.165.068 đồng; ông Nguyễn Phi H4 số tiền 2.363.014 đồng; chị Trịnh Thị Kim P1 số tiền 5.086.986 đồng; anh Hoàng Thanh Thông s tiền 11.177.123 đồng. Tổng cộng số tiền là 149.754.429 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Bích T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Áp dụng áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Bích T 09 (chín) tháng 15 (mười lăm) ngày tù; Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2023. Vũ Thị Bích T đã chấp hành xong hình phạt tù.

3. Áp dụng Khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Vũ Thị Bích T nếu bị cáo Vũ Thị Bích T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro max;

- Giao cơ quan Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, cho đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06

tháng để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp 01 (một) xe mô tô Yamaha Sirius, biển số 61D1-355.29. Hết thời hạn nêu trên, nếu không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;

(Theo Phiếu nhập kho số NK24/018C ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Buộc bị cáo Vũ Thị Bích T nộp Ngân sách nhà nước số tiền 253.825.422 đồng;

- Buộc bị cáo Vũ Thị Bích T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 149.754.429 đồng để trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 31.345.000 đồng; anh Nguyễn Văn H số tiền 5.104.110 đồng; bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền 6.106.027 đồng; chị Nguyễn Thị H1 số tiền 7.802.877 đồng; chị Phạm Mỹ K1 số tiền 3.071.918 đồng; anh Phạm Thành N1 số tiền 803.425 đồng; anh Phan Trường G số tiền 132.329 đồng; ông Nguyễn Kim H2 số tiền 2.117.260 đồng; chị Phạm Thị Ngọc D số tiền 708.904 đồng; bà Nguyễn Thị Bích T1 số tiền 23.049.087 đồng; chị Phạm Thị Kim H3 số tiền 2.542.603 đồng; anh Bùi Thái P số tiền 7.666.986 đồng; anh Lê Minh T2 số tiền 378.082 đồng; bà Nguyễn Thị Kim T3 số tiền 2.949.041 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh T4 số tiền 6.427.397 đồng; anh Trần Phước T5 số tiền 4.754.384 đồng; anh Nguyễn Tấn T6 số tiền 718.356 đồng; chị Nguyễn Thị G1 số tiền 25.165.068 đồng; ông Nguyễn Phi H4 số tiền 2.363.014 đồng; chị Trịnh Thị Kim P1 số tiền 5.086.986 đồng; anh Hoàng Thanh Thông s tiền 11.177.123 đồng. Tổng cộng số tiền là 149.754.429 đồng.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim L nộp Ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng;

- Buộc anh Nguyễn Văn H nộp Ngân sách nhà nước số tiền 2.850.000 đồng;

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N nộp Ngân sách nhà nước số tiền 4.960.000 đồng;

- Buộc chị Nguyễn Thị H1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 4.630.000 đồng;

- Buộc chị Phạm Mỹ K1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 12.000.000 đồng;

- Buộc anh Phạm Thành N1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 1.850.000 đồng;

- Buộc anh Phan Trường G nộp Ngân sách nhà nước số tiền 940.000 đồng;

- Buộc anh Huỳnh Minh Q nộp Ngân sách nhà nước số tiền 9.300.000 đồng;

- Buộc ông Nguyễn Kim H2 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 3.800.000 đồng;
- Buộc chị Phạm Thị Ngọc D nộp Ngân sách nhà nước số tiền 2.250.000 đồng;
- Buộc bà Nguyễn Thị Bích T1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 9.583.333 đồng;
- Buộc chị Phạm Thị Kim H3 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 4.740.000 đồng;
- Buộc anh Bùi Thái P nộp Ngân sách nhà nước số tiền 10.960.000 đồng;
- Buộc anh Lê Minh T2 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 8.400.000 đồng;
- Buộc bà Nguyễn Thị Kim T3 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 2.670.000 đồng;
- Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T4 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 3.050.000 đồng;
- Buộc anh Trần Phước T5 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 2.880.000 đồng;
- Buộc anh Nguyễn Tấn T6 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 960.000 đồng;
- Buộc chị Nguyễn Thị G1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 8.760.000 đồng;
- Buộc ông Nguyễn Phi H4 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000 đồng;
- Buộc chị Trịnh Thị Kim P1 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 6.000.000 đồng;
- Buộc anh Hoàng Thanh T7 nộp Ngân sách nhà nước số tiền 10.140.000 đồng;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Vũ Thị Bích T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

6. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo

Vũ Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP . HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an Tp. Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS Tp. Thủ Đức;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Quốc Lưu**